

Bản án số: 373/2019/HS-ST

Ngày: 13/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 305/2019/TLST-HSST ngày 25 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thanh H** . Giới tính: Nam. Tên gọi khác : Không.

Sinh năm 1982, tại Quảng Bình.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã M , huyện B , tỉnh Quảng Bình.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Nghề nghiệp: Không.

Trước khi bị bắt, bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ 5, Đảng bộ xã M , huyện B , tỉnh Quảng Bình, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 04/01/2019 (Theo Quyết định số 107-QĐ/UBKTHU ngày 08/5/2019 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B , tỉnh Quảng Bình).

Chức vụ trước khi bị phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Con ông Phan Tiến Q , sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1957.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất. Chung sống như vợ chồng với chị Lê Thanh Ph , sinh năm 1980 và có 02 con sinh năm 2005 và 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 29/12/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an TP. Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Công T , sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm 9, xã T , huyện Đ , tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Công T có con trai là Nguyễn Công D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Th , tỉnh Bình Dương khởi tố và tạm giam về tội “Chống người thi hành công vụ”. Sau khi D bị tạm giam, ông T nhờ anh Nguyễn Công C (là em ruột của ông T) tìm người quen xin cho D được tại ngoại điều tra và giảm nhẹ tội thì anh C đã liên hệ với bạn là anh Nguyễn Thanh T , ngụ tại xóm 4, thôn T , xã L , huyện H , tỉnh Hà Tĩnh và được anh T nói có quen Phan Thanh H công tác tại Công an tỉnh Đồng Nai (nhưng anh T không biết H đã xuất ngũ vào tháng 7/2017) và anh T đã đưa số điện thoại của H cho ông T . Mặc dù đã xuất ngũ, không có khả năng và không thể giúp được gì cho ông T nhưng do cần tiền tiêu xài nên khi được ông T liên hệ để nhờ xin cho D được tại ngoại và giảm nhẹ mức án thì H vẫn hứa hẹn với ông T và H nhiều lần nói dối yêu cầu ông T đưa tiền để lo việc của D nhưng thực chất là H lấy tiền của ông T để tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Lần 1: H chủ động gọi điện thoại nói ông T đưa trước cho H 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) để đi ăn uống tạo mối quan hệ với những người H nhờ, tưởng thật nên ông T đồng ý. Ngày 29/06/2018, ông T nhờ bạn là ông Trần Văn X , ngụ tại xóm 14, xã S , huyện Đ , tỉnh Nghệ An cho mượn 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) và nhờ ông X cùng anh Nguyễn Công C ngụ tại xóm 9, xã T , huyện Đ , tỉnh Nghệ An (là con trai ông T) đi đến gặp H tại trước nhà số 218, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa và đưa cho H số tiền trên. Sau khi lấy tiền H đã tiêu xài hết.

Lần 2: Ngày 30/06/2018, H tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu ông T đưa thêm 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) nữa để H nhờ người lo việc của D , đồng thời H xin thêm 1.000.000đ (Một triệu đồng) nói là chi phí cho H gọi điện thoại. Ông T tưởng thật nên tiếp tục nhờ ông X cùng anh C đi đến khu vực trước Bến xe Biên Hòa thuộc khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa để đưa cho H 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng) nhưng H nhờ 01 người bạn của H tên T (chưa rõ họ, địa chỉ) đến gặp ông X lấy số tiền trên rồi đem về đưa cho H . Sau khi lấy được tiền H đã tiêu xài hết.

Lần 3: Ngày 13/7/2018, H gặp ông T , anh T và ông X tại quán ăn “Năm Lửa” thuộc địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và anh T hỏi H về việc xin cho D được tại ngoại và giảm nhẹ mức án hết bao nhiêu tiền thì H nói hết 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và H yêu cầu ông T đưa trước cho H 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thì ông T đồng ý. Sau khi ăn uống xong thì H đã đến nhà ông X tại tổ 12, khu phố T , thị xã D , tỉnh Bình Dương (do ông T ở

nhờ nhà ông X) và tại đây ông T đã đưa cho H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) rồi hẹn sáng hôm sau sẽ đưa tiếp 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng).

Lần 4: Sau khi được ông T đưa trước 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại nhà ông X rồi hẹn sáng hôm sau sẽ đưa tiếp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến khoảng 10 giờ ngày 14/7/2019, H đi cùng 01 người tên H (chưa rõ họ, địa chỉ) đến nhà ông X để gặp ông T lấy tiền như đã hẹn. Tại đây, ông T tiếp tục đưa cho H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sau khi lấy được tiền H đã tiêu xài hết.

Lần 5: Ngày 19/07/2018, H gọi điện thoại yêu cầu ông T gửi tiếp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào tài khoản của H số: 5913205085097 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa để H lo việc cho D và ông T tưởng thật nên đã chuyển số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào tài khoản theo yêu cầu của H và H cũng đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi đưa tổng cộng 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng) cho H và không thấy D được tại ngoại nên ông T đã nhiều lần gọi điện thoại cho H nhưng H không nghe máy. Vì vậy, ông T đã làm đơn tố cáo H gửi đến Thanh tra Công an tỉnh Đồng Nai và Thanh tra Công an tỉnh Đồng Nai đã chuyển đơn của ông T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xác minh. Qua truy xét, ngày 29/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã bắt, tạm giữ Phan Thanh H để điều tra, xử lý.

* Vật chứng của vụ án:

- 06 tấm ảnh và 01 USB chứa dữ liệu hình ảnh và clip liên quan đến hành vi phạm tội của Phan Thanh Hưng;

- Thu giữ của Phan Thanh H 01 điện thoại di động hiệu FREETEL có số IMEI 1: 357710070455582, số IMEI 2: 35771910070555589, 01 sim số 0917222077, 01 sim số 0899545768; 01 điện thoại di động hiệu Nokia số IMEI 357902/04/663751/4 gắn sim số 0918658709.

* Về dân sự: anh Phan Tiến H là em ruột của bị cáo Phan Thanh H đã bồi thường cho ông Nguyễn Công T 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Tại cáo trạng số 309/CT-VKSBH ngày 14 tháng 6 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phan Thanh H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh H khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều, khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên (quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự).

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) và người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ cho bị cáo. Được quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo **Phan Thanh H** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo **Phan Thanh H** không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Công T có con trai là anh Nguyễn Công D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương khởi tố và tạm giam về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Bị cáo Phan Thanh H mặc dù biết mình không có khả năng và không thể giúp được gì cho con trai của ông Nguyễn Công T được tại ngoại điều tra và được giảm nhẹ tội, nhưng bằng thủ đoạn gian dối của mình, bị cáo vẫn hứa hẹn với ông T nhận lời giúp. Trong khoảng thời gian từ ngày 29/06/2018 đến ngày 19/7/2018, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã chủ động liên hệ với ông T để chiếm đoạt tiền của ông T nhiều lần với tổng số tiền là 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng).

[3] Về tội danh:

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phan Thanh H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông T nhiều lần với tổng số tiền là 76.000.000 đ (Bảy mươi sáu triệu đồng), nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, theo như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, đủ để giáo dục cải tạo đối với bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, giá trị tài sản trong từng lần mà bị cáo chiếm đoạt của ông T đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) và người bị hại đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần:

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0917222077 và 01 sim số 0918658709 của bị cáo Phan Thanh H sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia số IMEI 357902/04/663751/4 của bị can Phan Thanh H sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu FREETEL có số IMEI 1: 357710070455582, số IMEI 2: 35771910070555589 và 01 sim số 0899545768, do không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Phan Thanh H .

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Nguyễn Công T đã nhận lại được số tiền 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng) do anh Phan Tiến H là em ruột của bị cáo đã bồi thường, ông T không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phan Thanh H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; **điểm g Điều 52** của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Phan Thanh H 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2018.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ **điểm a khoản 1 Điều 47** Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; **khoản 2 Điều 106** Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0917222077 và 01 sim số 0918658709 của bị cáo Phan Thanh H sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia số IMEI 357902/04/663751/4 của bị cáo Phan Thanh H sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thanh H 01 điện thoại di động hiệu FREETEL có số IMEI 1: 357710070455582, số IMEI 2: 3577191007055589 và 01 sim số 0899545768, do không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Phan Thanh H** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng